

Bản án số:141/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Tâm.
2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 727/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; thường trú: Số 91/25A, khu phố C, phường B, thị xã D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1970; thường trú: Số 91/25A, khu phố C, phường B, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Bá T tự nguyện tìm hiểu nhau 01 năm đến năm 2005 tự nguyện chung sống nhưng đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2013, quyển số 01/2013, ngày 22/5/2013 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau ở nhiều nơi, đến năm 2014 anh chị chuyển về sống tại địa chỉ 76A/2, khu phố C, phường B, thị xã D,

tỉnh B. Tháng 11/2017, anh chị chuyển hộ khẩu về đăng ký tại địa chỉ 91/25A, khu phố C, phường B, thị xã D, tỉnh B. Vợ chồng anh chị thường xuyên phớt lờ sinh mâu thuẫn do anh T không có việc làm ổn định nhưng thường xuyên uống rượu bia, mỗi lần anh T uống say thường hay đánh đập vợ con nhưng chị H luôn tìm cách che giấu mà không báo cho chính quyền địa phương biết. Từ năm 2016, anh T đuổi chị H và các con ra ngoài sinh sống nhưng chị H vẫn thường xuyên về nhà để cung cấp phí sinh hoạt cho anh T. Hiện tại, anh chị đã không còn tình cảm nên chị H yêu cầu được ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Bá K, sinh ngày 05/02/2007 và Nguyễn Khánh D, sinh ngày 05/11/2009. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Bá T: Quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Bá T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 23/8/2018; tham gia phiên tòa vào các ngày 15/10/2018 và 05/11/2018 nhưng anh Nguyễn Bá T vắng mặt không có lý do. Đồng thời, anh T cũng không có ý kiến, yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Ngày 20/8/2018, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống giữa anh Nguyễn Bá T và chị Nguyễn Thị H tại UBND phường B, thị xã D và được cung cấp: Anh Nguyễn Bá T và chị Nguyễn Thị H có sinh sống tại địa chỉ 91/25A, khu phố C, phường B, thị xã D, tỉnh B từ năm 2017. Quá trình anh chị sinh sống tại địa phương, chính quyền không nhận được tin báo hay đơn thư khiếu nại về mâu thuẫn trong gia đình của anh chị.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; Bị đơn anh Nguyễn Bá T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt hai lần liên tiếp không có lý do. Căn cứ các điều 207 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Bá T và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đ

theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2013, quyền số 01/2013 ngày 22 tháng 5 năm 2013 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn chị H trình bày, vợ chồng chung sống được với nhau đến năm 2016 thì chị H dọn ra ngoài sinh sống và anh chị cũng ly thân từ đó. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng tại địa phương, chính quyền địa phương xác định không nhận được thông tin trình báo về mâu thuẫn vợ chồng của anh Tòng, chị H. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh T có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến nhằm hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không đến và cũng không có ý kiến, yêu cầu gì. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai bên đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Bá K , sinh ngày 05/02/2007 và Nguyễn Khánh D, sinh ngày 05/11/2009. Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định: *“Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...”*. Hiện tại hai cháu đều có nguyện vọng được ở cùng chị H, do vậy chị H yêu cầu được nuôi hai con chung là có căn cứ chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Khoản 4 Điều 147, các điều 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Bá T (Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2013, quyền số 01/2013 ngày 22 tháng 5 năm 2013 do Ủy ban nhân dân phường Quyết Thắng , thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp).

2. Về con chung:

Anh Nguyễn Bá T giao hai con chung tên Nguyễn Bá K , sinh ngày 05/02/2007 và Nguyễn Khánh D , sinh ngày 05/11/2009 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Bá T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị H phải tạo điều kiện cho anh Nguyễn Bá T thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không được quyền cản trở anh Nguyễn Bá T thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019762 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- CCTHA DS thị xã Dĩ An (01);
- UBND phường Q, TP. B, tỉnh Đ (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Thanh